

女子団体フルーレ

学校名	No	1		2		3		4		5		V	V-I	D-I	①V/M	順位
													TD-I	TR-I	②TD/TR	
安来高校	1			V-I	1	V-I	1	V-I	1	V-I	1	4	4	0	1.000	1
				TD	45	TD	45	TD	45	TD	45		180	53	3.396	
				TR	6	TR	19	TR	22	TR	6		③TD/M		45.000	
鳥取湖陵高校	2	V-I	0			V-I	0	V-I	0	V-I	0	0	0	4	0.000	5
		TD	6			TD	7	TD	8	TD	9		30	180	0.167	
		TR	45			TR	45	TR	45	TR	45		③TD/M		7.500	
柳井学園高校	3	V-I	0	V-I	1			V-I	1	V-I	1	3	3	1	0.750	2
		TD	19	TD	45			TD	36	TD	38		138	112	1.232	
		TR	45	TR	7			TR	30	TR	30		③TD/M		34.500	
岡山大安寺中教校	4	V-I	0	V-I	1	V-I	0			V-I	1	2	2	2	0.500	3
		TD	22	TD	45	TD	30			TD	45		142	107	1.327	
		TR	45	TR	8	TR	36			TR	18		③TD/M		35.500	
盈進高校	5	V-I	0	V-I	1	V-I	0	V-I	0			1	1	3	0.250	4
		TD	6	TD	45	TD	30	TD	18				99	137	0.723	
		TR	45	TR	9	TR	38	TR	45				③TD/M		24.750	